

Bản án số: 53/2024/DS-ST

Ngày: 04 - 7 - 2024.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Vy và bà Cái Diệu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Đình Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-DS, ngày 17/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N1.

Trụ sở chính: Số B, đường L. Địa chỉ chi nhánh P: Số G, đường L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc B, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách chi nhánh huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ông B có văn bản ủy quyền cho ông Huỳnh Tự Quốc Đ, chức vụ: Giám đốc Phòng G, Ngân hàng N1, chi nhánh huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền số 03/NHNoPL/UQ ngày 15/02/2023). Ông Đ, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Như N và ông Hoàng T; cùng địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2023, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau: Ngày 06/5/2020, Ngân hàng N1 chi nhánh P (gọi tắt là ngân hàng) và Nguyễn Thị Như N và Hoàng T có kí kết hợp đồng tín dụng (viết tắt là HĐTD) số 4005LAV202001336 cho ông bà N và ông T vay số tiền 96.000.000 đồng, thời hạn vay: 24 tháng, mục đích vay: mua lưoi cụ. Đến ngày 24/4/2022, bà N và ông Hoàng T không thực hiện đúng cam kết theo hợp đồng tín dụng, không trả tiền gốc và tiền

lãi định kỳ theo cam kết. Phía ngân hàng đã thông báo và làm việc rất nhiều lần với bà N và ông T bằng các biên bản làm việc, giấy mời để yêu cầu giải quyết trả nợ gốc và lãi nêu trên nhưng bà N và ông T vẫn không trả nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 04/7/2024, bà N và ông T đã trả được tiền gốc là: 40.000.000 đồng; số tiền lãi đã trả được: 13.098.083 đồng; Số tiền gốc còn nợ: 56.000.000 đồng; số tiền lãi chưa trả: 23.987.613 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 16.847.692 đồng; lãi quá hạn: 7.139.921 đồng. Tổng cộng số tiền bà N và ông T còn nợ là: 79.987.613 đồng.

Do đó phía Ngân hàng N1 đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế buộc bà Nguyễn Thị Như N và Hoàng T phải thanh toán khoản nợ đến thời điểm 04/7/2024: là 79.987.613 đồng trong đó: tiền gốc là 56.000.000 đồng; số tiền lãi chưa trả: 23.987.613 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 16.847.692 đồng; lãi quá hạn: 7.139.921 đồng khoản lãi phát sinh từ ngày 05/4/2024 theo hợp đồng cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết, nhưng hết thời hạn bị đơn vẫn không có ý kiến trả lời.

Tại biên bản xác minh ngày 02/02/2024, tại nhà bà Nguyễn Thị Như N và ông Hoàng T thì hiện tại bà N và ông T không có mặt. Do đó, Tòa án không thể không tổng đạt được cho bị đơn nên đã tiến hành niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã triệu tập bị đơn đến làm việc cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng bà N và ông T đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ 2, bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn

Đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong vụ án dân sự như sau:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, còn trong thời hiệu khởi kiện, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng; quá trình xác minh, thu thập chứng cứ cũng như việc xét xử tại phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn cản trở nên cần xét xử theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Như N và ông Hoàng T trả cho Ngân hàng N1, chi nhánh P 79.987.613 đồng. Về án phí: Cần buộc bà N và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bà N và ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số: 4005LAV202001336 ký kết ngày 06/5/2021, thời hạn vay: 24 tháng, quá hạn trả nợ ngày 24/4/2022, mục đích vay: mua lưới ngư cụ giữa bên cho vay là Ngân hàng N1 chi nhánh P và bên vay bà Nguyễn Thị Như N và ông Hoàng T được ký kết có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 298, 385, 398 và 463 của Bộ luật Dân sự 2015, các Điều 90, 91 và điểm a, khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng nên hợp đồng đã ký kết giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng N1 chi nhánh P thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã tiến hành giải ngân khoản vay, bà N và ông T đã nhận tiền theo giấy nhận nợ và các chứng từ giao dịch số tiền 96.000.000 đồng. Quá trình trả nợ, bà N và ông T chỉ trả được 40.000.000 đồng tiền gốc, (tính đến ngày 04/7/2024). Từ ngày 24/4/2022 đến nay, bà N và ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn nên đã vi phạm về thời hạn trả nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 chi nhánh P buộc bà N và ông T phải thanh toán các khoản nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 04/7/2024) 79.987.613 đồng, trong đó: tiền gốc là 56.000.000 đồng, tiền lãi là 23.987.613 đồng, trong đó lãi trong hạn: 16.847.692 đồng, lãi quá hạn: 7.139.921 đồng và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 05/7/2024 theo hợp đồng cho đến khi trả xong các khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bà N và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng N1, chi nhánh P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 289, Điều 385 và Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 90, 91 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí. Nghị

quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1. Buộc bà Nguyễn Thị Như N và Hoàng T phải trả cho Ngân hàng N1 chi nhánh P số tiền 79.987.613 đồng, trong đó: tiền gốc là 56.000.000 đồng, tiền lãi là 23.987.613 đồng, trong đó lãi trong hạn: 16.847.692 đồng, lãi quá hạn: 7.139.921 đồng và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 04/7/2024

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Như N và Hoàng T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N1 thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Như N và Hoàng T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N1.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Như N và Hoàng T phải chịu 3.999.381 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N1 chi nhánh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng N1 chi nhánh P số tiền 2.697.215 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0002054 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Phú Lộc;
- THADS Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

